

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS-PT

Ngày 31-10-2017

V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất và yêu cầu BTTH

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Thẩm phán

Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Thanh Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ranh giới đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và tổn thất về tinh thần”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hạ L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2017/QĐXX-PT ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bế Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Bản C, An L, Hạ L, Cao Bằng.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn Sự - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị T1, sinh năm 1984. (Vắng mặt có lý do)

Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1981. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản C, An L, Hạ L, Cao Bằng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bế Văn C

2. Bà Lương Thị H.

Cùng địa chỉ: Bản C, An L, Hạ L, Cao Bằng.

3. Anh Nông Văn N.

Địa chỉ: Bản Răng, An L, Hạ L, Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Hoàng Văn H

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bế Văn T trình bày:

Năm 2008 gia đình đổ đất, đá làm nền nhà có xếp kè đá trên phần đất của gia đình chị T1, anh H. Chiều dài kè khoảng 18m, chiều rộng 0,3m, cao 1,4m, khi xếp kè gia đình chị T1, anh H biết nhưng không có ý kiến. Đến năm 2011, anh xây nhà trên phần đất mà anh đã kè đá trước đó. Tháng 6 năm 2014 quan hệ giữa hai nhà xảy ra mâu thuẫn. Chị T1, anh H lấy cớ ranh giới kè đá lúc xếp không rõ ràng nên nhiều lần phá kè, ném đá nhiều lần lên mái nhà, phá hủy một số tài sản của gia đình anh, cụ thể: Thiệt hại 15 tấm pro xi măng có giá 1.500.000đ; 01 tấm bạt giá 300.000đ; 01 bát hương 50.000đ; 15 cây khoai sọ giá 200.000đ. Ngoài ra, do hành vi ném đá nhiều lần của chị T1, anh H gây tâm lý hoang mang, xúc phạm tự do tín ngưỡng làm tổn thất về tinh thần cho gia đình anh với số tiền là 1.000.000đ.

Ngày 31/5/2017 nguyên đơn xin rút yêu cầu tổn thất về tinh thần, bổ sung yêu cầu khoản tiền thuê trông nhà và phải đi ở nhờ nhà người khác với số tiền

1.000.000đ. Nay yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất liền với bờ kè đá cho anh, buộc chị T1, anh H bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.050.000đ và tiền thuê người trông nhà số tiền là 1.000.000đ.

Bị đơn chị Lương Thị T1 và anh Hoàng Văn H cùng thông nhất trình bày: Anh chị có nhận chuyển nhượng đất với bà Lương Thị H và ông Bé Văn C Việc chuyển nhượng có lập giấy tờ và xác nhận của UBND xã, không đo đạc diện tích cụ thể mà chỉ ước lượng. Khi nhận chuyển nhượng từ bà H1 thì đã có bờ kè đá cao khoảng 20 – 30 cm, do bà H1 xếp trước đó. Năm 2009, anh chị làm nhà và xếp đá lên trên kè cũ, anh T1 biết nhưng không có ý kiến. Về sau anh T1 lại xếp tiếp lên trên phần kè này để chống lở đất, lúc xếp anh chị biết nhưng không có ý kiến. Bị đơn được thừa nhận ném đá lên mái nhà anh T1 01-02 lần, nhưng trước đó chính anh T1 là người ném đá lên nhà anh chị, làm thiệt hại về cửa, ngói nên không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn, nếu anh T1 bồi thường thiệt hại trước thì anh chị mới bồi thường cho anh T1.

Ngày 17/5/2017, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định định giá theo yêu cầu của anh T1. Kết quả như sau:

- Kiểm tra trên bản đồ thì kè đá đang tranh chấp nằm trong thửa 11, tờ bản đồ 08, diện tích 1.618,7m² thuộc Bản C, An L, Hạ L, Cao Bằng. Đất này chưa được cấp GCNQSD đất, giữa các thửa không có bờ ngăn cách.

- Đo trên thực tế: Kè đá có chiều dài 18,2m, chiều rộng 0,4m, cao trung bình 01m, có hình cánh cung, khoảng giữa có chiều dài 4,2m hiện nay không còn đá. Hai bên kè là nhà chị T1 (nền thấp) xây năm 2009 và nhà anh T1 (nền cao) xây năm 2011.

- Phần định giá: Kè đá xếp khan không chít mạch giá 727.000đ/m³ (gồm cả đá và công xếp); 01 tấn pro xi măng vận chuyển đến nơi tranh chấp có giá 60.000đ; công lắp đặt và xếp là 300.000đ/ công; phần đất đo thêm theo yêu cầu của đương sự có giá 39.00đ/m²; 01 lọ hương bàn thờ giá 50.000đ.

Các bên đương sự đều nhất trí với nội dung xem xét, thẩm định và định giá của Hội đồng.

Người làm chứng bà Lương Thị H khai: Lúc chuyển nhượng đất cho gia đình anh H, đã có kè đá do bà xếp, sau này các bên mới xếp tiếp lên kè này. Vì vậy, kè đá đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của gia đình anh H. Đồng thời được đề nghị xử vắng mặt bà.

Người làm chứng anh Nông Văn N khai: Anh được nhận tiền và cung cấp vật liệu cho anh T1 xây nhà. Nhưng số lượng bao nhiêu, vào ngày tháng năm nào anh không nhớ. Anh khẳng định không được tu sửa nhà cho anh T1. Đồng thời đề nghị được xử vắng mặt anh.

Tòa án nhân dân huyện Hạ L, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 06/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Hạ L đã:

- Áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 175, 176, 584 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; các Điều 157; 158; 165 và 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi quyền sử dụng đất gắn liền với kè đá có chiều dài 18,2m, rộng 0,4m, cao trung bình 01m, có hình cánh cung khoảng giữa có đoạn dài 4,2m không còn đá, giữ nguyên mốc giới (kè đá) hiện nay để sở hữu chung.

Các bên đương sự có quyền thỏa thuận việc tôn tạo lại mốc giới này, trường hợp một bên tôn tạo thì bên đó tự chịu chi phí.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn. Buộc chị Lương Thị T1 và anh Hoàng Văn H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) cho anh Bé Văn T, trú tại: Bản C, An L, Hạ L, Cao Bằng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

Về chi phí tố tụng: Buộc chị T1, anh H hoàn trả cho anh T1 số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm đã tuyên về phần án phí và kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 bị đơn Hoàng Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Không nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 1.010.000đ và chi phí tố tụng với số tiền 1.250.000đ cho nguyên đơn vì không đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của anh. Việc kê khai thiệt hại của anh Bé Văn T là chưa đủ căn cứ, không có người làm chứng, không có biên bản hợp lệ; anh T1 mua xi măng vận chuyển đến nhà, mua 01 bát hương và thuê lắp đặt chưa chứng minh là mua ở đâu, với ai, thuê ai lắp đặt.

Vợ chồng anh T1 là người ném đá phá hoại tài sản của gia đình anh trước nên mới dẫn đến việc anh bức xúc ném đá lại vào nhà anh T1, chỉ buộc anh bồi thường cho anh T1 là chưa công bằng. Yêu cầu anh Bé Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình anh, cụ thể :

- 1.000 viên ngói âm dương x 3.000đ = 3.000.000đ
- 18 tấm pro xi măng x 60.000đ = 1.080.000đ
- 01 cánh cửa chính 0,9m x 2m x 2.200.000đ = 3.960.000đ

Tổng cộng : 8.040.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có quyết định kháng nghị số 1791/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hạ L, tỉnh Cao Bằng với nội dung :

Theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bản án sơ thẩm buộc anh T1 phải chịu 900.000đ tiền án phí; chị T1, anh H phải chịu 600.000đ tiền án phí để sung công quỹ là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhất trí bản án sơ thẩm. Các đương sự không có ý kiến với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, đơn xin miễn án phí; đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho anh T1 có ý kiến: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đối với số tiền 1.000.000đ anh T1 yêu cầu là tiền tổn hại tinh thần là không đúng vì nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện nên số tiền này chỉ là thiệt hại về tài sản (nhờ người trông nhà) do hành vi trái pháp luật của anh H gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm : Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định. Chị Lương Thị T1 vắng mặt nhưng quyền lợi thống nhất với anh H, anh H đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của anh H nộp tạm ứng án phí chậm so với thông báo nên coi là quá hạn. Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên họp xét chấp nhận kháng cáo quá hạn và thụ lý vụ án.

Anh H không nhất trí bồi thường 2.260.000đ. Cấp sơ thẩm đã căn cứ các biên bản sự việc do công an huyện Hạ L lập và kết luận của hội đồng định giá để chấp nhận số tiền thiệt hại tài sản 1.010.000đ là có căn cứ. Đối với 1.250.000đ là ½ số tiền chi phí thẩm định, định giá anh H phải có trách nhiệm trả là đúng pháp luật.

Đối yêu cầu anh T1 bồi thường 8.040.000đ Chị T1, anh H không làm thủ tục theo yêu cầu của Tòa án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể xem xét và bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Kháng cáo của anh Hoàng Văn H và chị T1 về bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

Về kháng nghị : Án sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu 900.000đ tiền án phí là không chính xác vì hai yêu cầu khởi kiện về ranh giới là kê đá và bồi thường thiệt hại được chấp nhận, bị đơn là người phải chịu án phí.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự trình bày và cung cấp tài liệu chứng minh là hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Quốc hội.

Do vậy, giữ nguyên nội dung kháng nghị sửa về án phí theo hướng miễn án phí cho nguyên đơn. Đối với bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo bổ sung, miễn án phí cho bị đơn.

Tại bản án sơ thẩm đã quyết định công nhận quyền sử dụng đất gắn liền với kê đá...giữ nguyên mốc giới (kê đá) hiện nay để sở hữu chung là có căn cứ

nhưng hai bên khó xác định quyền quản lý của mình nên đã thỏa thuận và đề nghị cấp phúc thẩm ghi nhận trong bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 - BLTTDS để giải quyết vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, nghe kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Đơn khởi kiện của anh T1 có yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần 1.000.000đ, sau đó lý giải đây là tiền trả cho những người đến giúp trông nhà. Cấp sơ thẩm nhận định số tiền này bản chất là tiền tổn hại tinh thần là không đúng mà phải xác định đây là vụ án tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản (do hành vi trái pháp luật của vợ chồng anh H gây ra) mới chính xác.

[2] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp xảy ra từ năm 2014- 2015 nên pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về quá trình hình thành, sử dụng kè đá có tranh chấp : Theo hồ sơ thể hiện, kè đá là ranh giới giữa đất của gia đình anh T1 và gia đình anh H chị T1. Hai bên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ai có giấy tờ gốc. Trước khi bà H1 chuyển nhượng đất cho anh H chị T1 thì kè đá được xếp thành hàng cao khoảng 0,5m, ranh giới luôn ổn định không thay đổi, giữa gia đình bà H1 và gia đình anh T1 không tranh chấp.

Anh H cho là đất xếp kè đá của mình nhưng giấy tờ chuyển nhượng đất viết tay giữa bà H1 và anh H không ghi cụ thể diện tích là bao nhiêu, tứ cận tiếp giáp thế nào, chỉ ghi dài 20m, rộng 10m, không ghi có kè đá. Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2014 anh H chị T1 phá một đoạn kè dẫn đến tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định ranh giới giữa đất của hai hộ là kè đá và thuộc quyền sở hữu chung là chưa cụ thể mà chỉ là quyền sử dụng chung, tuy nhiên việc tuyên án như cấp sơ thẩm chưa cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên khi quản lý sử dụng.

Do kè đá là ranh giới nên thuộc quyền sử dụng chung nên hai bên đều có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới và không được làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp và giá trị sử dụng tài sản, vật kiến trúc của bên kia. Việc hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận và đề nghị ghi nhận thêm nội dung khi một trong hai bên

tu sửa, tôn tạo kè đá phải tôn trọng mốc giới độ rộng của kè như bản vẽ kèm theo biên bản thẩm định, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng và giá trị tài sản, vật kiến trúc của phía bên kia. Thỏa thuận này không trái pháp luật và có lợi cho cả hai bên đương sự nên cần ghi nhận.

[4] Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn H yêu cầu anh Bé Văn T bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh với số tiền 8.040.000đ: Ngày 11/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Hạ L đã có thông báo yêu cầu chị T1, anh H sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nhưng hết thời hạn thông báo mà chị T1, anh H không làm thủ tục theo yêu cầu của Tòa án nên chưa được giải quyết ở cấp sơ thẩm, cũng không có tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản mà anh H kê khai trong đơn kháng cáo là có thực.

Bản thân anh Bé Văn T cũng đã bị công an huyện Hạ L xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm trong lĩnh vực an ninh trật tự và trật tự an toàn xã hội. Do vậy việc anh H kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản chưa được cấp sơ thẩm giải quyết là không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét.

Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì anh T1 đã phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí định giá tài sản do yêu cầu của anh chỉ được Tòa án chấp nhận một phần. Đối với $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí thẩm định, định giá anh H phải có trách nhiệm trả 1.250.000đ là đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh H không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại là thiếu sót, cần bổ sung vào phần quyết định.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí, xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng sai Điều luật khi buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Giá trị tranh chấp là ở mức tính án phí không giá ngạch và đã được tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện thì bị đơn phải chịu án phí là có căn cứ. Nhưng việc cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí không có giá ngạch đối với cả ba yêu cầu khởi kiện (trong khi thực chất chỉ có hai yêu cầu khởi kiện và đều được chấp nhận) để sung công quỹ nhà nước là không đúng pháp luật làm thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới thể hiện anh T1 là hộ cận nghèo, anh H là hộ nghèo, thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định

tại Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên việc cấp sơ thẩm buộc các anh nộp tạm ứng án phí và án phí cũng là không đúng.

Mặc dù yêu cầu kháng cáo của anh T1 về phần bồi thường thiệt hại không được chấp nhận nhưng ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận kháng nghị và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các đương sự được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các Điều 265, 266, 604, 605, 608, 616 của BLDS năm 2005

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn H về phần bồi thường thiệt hại. Giữ nguyên án sơ thẩm dân sự số 06/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hạ L, tỉnh Cao Bằng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Anh Hoàng Văn H và chị Lương Thị T1 phải liên đới bồi thường cho anh Bé Văn T số tiền thiệt hại tài sản do hành vi trái pháp luật gây ra là 1.010.000đ và hoàn trả cho anh T1 1/2 số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.250.000đ. Tổng cộng là 2.260.000đ.

Kể từ ngày anh Bé Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H và chị T1 chưa trả được thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm : Xác định kè đá có chiều dài 18,2m, rộng 0,4m, cao trung bình 01m, có

hình cánh cung, khoảng giữa có đoạn dài 4,2m không còn đá là ranh giới giữa đất của hộ gia đình anh T1 và hộ gia đình anh H. Hai bên có quyền sở hữu, sử dụng chung và có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới đã được xác định theo sơ đồ vụ việc tranh chấp bờ kè (kèm theo bản án). Quá trình sử dụng nếu bên nào tôn tạo, sửa chữa phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của tài sản và các vật kiến trúc của phía bên kia.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Anh Bế Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh Bế Văn T 600.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2012/01789 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ L, tỉnh Cao Bằng.

Anh Hoàng Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh Hoàng Văn H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016 /0001058 ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ L, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Khánh

Nguyễn Thị Như

Lương Thị Hợp

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;

- CCTHADS huyện Hạ L;
- TAND huyện Hạ L;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.